

Bản án số : 83/2020/HC-PT

Ngày: 25/12/ 2020

V/v “*Khởi kiện Quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong  
lĩnh vực quản lý đất đai.*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Xuân Thành

*Các thẩm phán:* Ông Phạm Việt Cường

Ông Lê Phước Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông Quách Đức Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2020/TLPT-HC ngày 24 tháng 11 năm 2020 về “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC- ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 399/2020/QĐXXPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2020. Giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Tô Văn Đ - sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ:** Ông Nguyễn Thành K - sinh năm 1960; địa chỉ: 46 đường L, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên (*Giấy ủy quyền ngày 24/4/2019*). Có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ:** Luật sư Nguyễn Tấn H - Văn phòng Luật sư Lý A, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 16A/2 đường L1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**Người bị kiện:**

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S và Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã S, tỉnh

Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S:* Ông Phạm Văn C -Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Chủ tịch UBND xã X và UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Công ty trách nhiệm hữu hạn nghỉ dưỡng quốc tế V; địa chỉ: Số 655 đường H2, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Ngọc T1 - Chức vụ: Giám đốc điều hành Công ty Luật TNHH MTV TT (Giấy ủy quyền số 10/UB-VHEBngày08/9/2020). Có mặt.

3/ Ông Tô Văn Ch - sinh năm 1947; Địa chỉ: Khu phố P1, C1, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Ông Tô Văn C3 - sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5/ Bà Lê Thị Ph - sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Văn Đ. Có mặt.

6/ Ông Tô Văn H3 (chết). Người thừa kế quyền, nghĩa vụ ông H3:

6.1/ Bà Nguyễn Thị Ng - sinh năm 1950; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6.2/ Ông Tô Văn Q1 - sinh năm 1969; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6.3/ Ông Tô Văn L2 - sinh năm 1972; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6.4/ Ông Tô Thanh H4 - sinh năm 1987; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6.5/ Ông Tô Thanh C4 - sinh năm 1989; vắng mặt.

6.6/ Ông Tô Thanh T2 - sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:**

***Tại đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất số 04 là của ông Tô D1, bà Nguyễn Thị Nh (cha mẹ của ông Đ) khai hoang từ năm 1971, được chế độ cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 50.000m<sup>2</sup>, do chiến tranh nhà ông bị cháy mất hết giấy tờ, có người làm chứng. Năm 1975 gia đình ông trồng cây dương, cây keo, sau khi cha mẹ ông chết thì

các anh chị em thống nhất giao cho vợ chồng ông Đ sử dụng ổn định cho đến nay, không có ai tranh chấp.

Trong quá trình sử dụng đất bị ông Huỳnh Mỹ C5, bà Phạm Thị Th1 là người có đất liền kề lấn chiếm khoảng hơn 15.000m<sup>2</sup> nên chỉ còn khoảng 35.000m<sup>2</sup>. Thửa đất có giới cận: Phía Bắc giáp thửa đất ông Huỳnh Mỹ C5, phía Tây giáp thửa đất bà Phạm Thị Th1 và giáp thửa đất nông nghiệp của ông Đ, phía Đông giáp biển và phía Nam giáp thửa đất của bà Bình.

Khoảng năm 1979 có khe nước bị bồi lấp, cách thửa đất của gia đình ông về phía Bắc khoảng 02 Km nên Hợp tác xã xin gia đình ông cho mở mương dẫn nước qua đất của Ông và dẫn ra biển để chống ngập úng. Qua nhiều năm dòng chảy của mương nước phân chia thửa đất số 04 thành các thửa số 04, 62, 63.

Năm 2003 ông Đ có đăng ký, kê khai tại UBND xã X nhưng UBND xã X không ghi nhận vào sổ địa chính. Thửa đất của ông Đ nằm ngoài diện tích đất khai thác khoáng sản, diện tích đất cho ông Quyên thuê nuôi tôm. Diện tích đất ông Sinh thuê nuôi tôm là một phần thửa đất ông Đ đang khởi kiện, khi ông Sinh xây dựng hồ nuôi tôm trên đất thì ông Đ có tranh chấp, khiếu nại nhưng không được giải quyết.

Ngày 12/5/2018 ông Đ làm đơn khiếu nại và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chủ tịch UBND xã X có Văn bản số 378/UBND ngày 04/6/2018 trả lời khiếu nại của vợ chồng ông Đ và Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 1), bác nội dung khiếu nại.

Sau đó, ông Đ khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã S. Ngày 09/4/2019 ông Tô Văn Đ nhận được Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần hai), bác nội dung khiếu nại.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Văn bản số 378/UBND ngày 04/6/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc trả lời khiếu nại của vợ, chồng ông Tô Văn Đ (*gọi tắt là Văn bản số 378*); Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 1) (*gọi tắt là Quyết định số 896*); Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 2) (*gọi tắt là Quyết định số 1060*) và buộc UBND xã X, UBND thị xã S lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cho ông Tô Văn Đ đối với thửa đất số 04, 62 và 63 tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ yêu cầu Tòa tiến hành xem xét thẩm định lại diện tích đất.

***Người bị kiện UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S trình bày:***

Ông Tô Văn Đ trình bày về nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa số 04, 62 và thửa số 63 nhưng không có giấy tờ chứng minh. Đối với thửa số 04, diện tích 26.040,1m<sup>2</sup>, trong đó phần diện tích 9.820,1m<sup>2</sup> hiện trạng có rừng dương (ông Đ có cung cấp bản phôi tờ khai mất giấy đất thổ bị cháy, được chính quyền chế độ cũ xác nhận năm 1972 với diện tích đất sử dụng là sáu sào ta (nay là 3.000m<sup>2</sup>) và theo Biên bản lấy ý kiến khu dân cư thôn P ngày 05/11/2018 thì đất này là do ông Tô D1 và bà Nguyễn Thị Nh khai phá trước năm 1971, đến năm 2003 bà Nh mất thì ông Đ sử dụng nên đã công nhận diện tích 9.820,1m<sup>2</sup> cho ông Đ. Phần diện tích còn lại 16.220m<sup>2</sup> của thửa đất số 4 (nay là thửa số 67) và thửa đất số 62, 63 là do UBND xã quản lý.

Các tài liệu thể hiện đất do nhà nước quản lý gồm:

Hồ sơ về việc khai thác khoáng sản (năm 1991, 2006, 2007, 2013), hồ sơ cho thuê đất nuôi tôm (2009, 2010) đều xác định đất trước khi thu hồi, cho thuê là đất chưa sử dụng và quy chủ do UBND xã quản lý. Quá trình giao đất cho công ty khai thác khoáng sản, cho thuê đất nuôi tôm thì gia đình ông Đ không tranh chấp.

Đối chiếu với bản đồ 299 đo đạc năm 1994 thì toàn bộ diện tích đất ông Đ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nằm trong khu vực đo đạc của bản đồ 299, không thể hiện chủ sử dụng đất. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2003 thì diện tích đất ông Đ yêu cầu cấp GCNQSD đất thuộc thửa 404, tờ bản đồ số 30, diện tích 456.573m<sup>2</sup>, loại đất lâm nghiệp, do UBND xã quản lý; Bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2008 phê duyệt năm 2009 diện tích ông Đ yêu cầu cấp GCNQSD đất thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 02, diện tích 544.445m<sup>2</sup>, loại đất đồi chưa sử dụng, do UBND xã quản lý. Theo bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2013 (phê duyệt năm 2016) thì các thửa đất ông Đ yêu cầu cấp GCNQSD đất không nằm trong khu vực chỉnh lý.

Ông Đ không có giấy tờ chứng minh QSD đất, không kê khai, đăng ký, không nộp thuế cho Nhà nước và không trực tiếp canh tác sử dụng đất. Nên đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Đ.

***Người bị kiện UBND xã X và Chủ tịch UBND xã X:*** Ngày 14/5/2020 UBND xã X, Chủ tịch UBND xã X có văn bản đề nghị Tòa xét xử theo đúng quy định pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- UBND tỉnh Phú Yên có văn bản trình bày ý kiến số 4712/UBND-NC ngày 09/9/2020: Văn bản số 378/UBND ngày 04/6/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc trả lời khiếu nại của vợ, chồng ông Tô Văn Đ; Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Đ

(lần 1) Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 2) là có cơ sở pháp luật.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn nghỉ dưỡng quốc tế V trình bày: Công ty đã được UBND tỉnh Phú Yên chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án tại xã X, thị xã S với diện tích khu đất dự án gồm các thửa đất số 04, 62, 63. Do ông Đ khởi kiện nên dự án đến nay chưa được triển khai, đề nghị Tòa sớm giải quyết vụ án để Công ty sớm triển khai dự án theo giấy phép được cấp.

- Các ông Tô Văn Ch, Tô Văn C3, ông Tô Văn Q1, ông Tô Thanh H4, ông Tô Văn L2, ông Tô Thanh T2, ông Tô Thanh C4 và bà Nguyễn Thị Ng (anh em trong gia đình ông Đ) thống nhất như nội dung ông Đ đã trình bày.

*Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số: 21/2020/HC-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Đ.

Về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 1); Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 2); Văn bản số 378/UBND ngày 04/6/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc trả lời khiếu nại của vợ, chồng ông Tô Văn Đ.

Về việc yêu cầu UBND xã X, UBND thị xã S lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tô Văn Đ đối với thửa đất số 04 (diện tích 16.220m<sup>2</sup>), 62 (diện tích 3132,4m<sup>2</sup>) và 63 (diện tích 6509,6m<sup>2</sup>) theo bản đồ trích đo dự án V tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vì không có căn cứ.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 ông Tô Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Tô Văn Đ vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, người bị kiện vẫn giữ nguyên Quyết định hành chính bị khiếu kiện, các đương sự không hòa giải, đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tô Văn Đ sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tô Văn Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 12/5/2018 ông Đ làm đơn khiếu nại và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 04,62,63 tại xã X, thị xã S tỉnh Phú Yên.

Chủ tịch UBND xã X có Văn bản số 378/UBND ngày 04/6/2018 trả lời khiếu nại của vợ chồng ông Đ và Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 1), bác nội dung khiếu nại.

Sau đó, ông Đ khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã S. Ngày 09/4/2019 ông Tô Văn Đ nhận được Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần hai), bác nội dung khiếu nại. Ông Đ khởi kiện đề nghị hủy các quyết định nêu trên.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Tô Văn Đ; Hội đồng xét xử xét thấy. Ông Đ yêu cầu được các cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho gia đình ông, tuy nhiên không được UBND xã X, và UBND thị xã S tỉnh Phú Yên chấp nhận, do vậy Tòa án sẽ căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đồng thời đối chiếu với các quy định của pháp luật về đất đai để đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính.

Xét yêu cầu cấp GCNQSD đất của ông Đ đối với thửa đất số 04 (16.220m<sup>2</sup>), thửa đất số 62 (3.132,4m<sup>2</sup>) và thửa đất số 63 (6.509,6m<sup>2</sup>)Mảnh bản đồ trích đo địa chính dự án V Resort. Theo hồ sơ quản lý đất đai và bản đồ đo đạc qua các thời kỳ thể hiện:

Theo bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1994, Bản đồ địa chính đo đạc năm 2003, Bản đồ địa chính lâm nghiệp đo đạc năm 2009, Sổ dã ngoại năm 2003 thì các thửa đất ông Đ yêu cầu được cấp GCNQSD đất đều ghi nhận đất chưa sử dụng, do UBND xã X quản lý.

Tại Quyết định số 214/CNNg/KTM ngày 01/6/1991 của Bộ trưởng Bộ Công

nghiệp nặng giao khu vực khai thác mỏ; Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 24/11/2006 của UBND tỉnh Phú Yên, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khai thác tận thu khoáng sản Inmenit của Công ty cổ phần khoáng sản Phú Yên tại thôn P, xã X, huyện S; Quyết định cho thuê đất số 2838/QĐ-CT ngày 15/12/2009 của UBND thị xã S đối với hộ ông Nguyễn Văn Quyện; Quyết định số 2837/QĐ-CT ngày 15/12/2009 của UBND thị xã S về việc cho thuê đất để đầu tư dự án nuôi tôm công nghiệp đối với hộ ông Nguyễn Tiến S1; Quyết định số 1620/QĐ-CT ngày 20/7/2010 của UBND thị xã S về việc thu hồi, hủy Quyết định cho thuê đất số 2838/QĐ-CT ngày 15/12/2009, giao lại đất cho UBND xã quản lý; Thông báo số 03TB/UBND ngày 25/01/2010 của UBND xã X, về việc cấm trồng cây trên diện tích đất đã khai thác khoáng sản Titan tại khu vực thôn V, xã X; Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh Phú Yên, về việc thu hồi diện tích đất khai thác tận thu khoáng sản Inmenit tại thôn P của Công ty khoáng sản Phú Yên giao cho UBND xã X, thị xã S quản lý. Trong quá trình thực hiện các Quyết định, Thông báo nêu trên gia đình ông Tô Văn Đ không tranh chấp, khiếu kiện.

Ngày 01/02/2007 đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã X và công ty cổ phần khoáng sản Phú Yên tiến hành lập biên bản giao mốc thực địa, diện tích 52.050m<sup>2</sup> không có tranh chấp của gia đình ông Đ. Ngày 19/01/2010 đại diện UBND xã X, Phòng Tài nguyên và Môi trường, ông Nguyễn Tiến S1, ông Nguyễn Văn Quyện thực hiện bàn giao đất trên thực địa, tiến hành đo đạc, giao mốc ranh giới đất cho thuê cũng không có sự tranh chấp của gia đình ông Đ. Ngày 03/5/2013 Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã X, công ty cổ phần khoáng sản Phú Yên cùng lập biên bản kiểm tra thực địa vị trí đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường mỏ Inmenit thuộc thôn P, xã X đã thống nhất đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường bằng cách trồng cây dương (diện tích 5,025ha) là phù hợp với lời khai của ông Lê Thi Mỹ và ông Phạm Tấn Lực.

Theo biên bản họp xét nguồn gốc đất ngày 19/4/2018 (BL 126) và phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (BL 156), xác định: Diện tích 9.820,1m<sup>2</sup> thửa đất số 04 có nguồn gốc của gia đình ông Đ, diện tích 16.200m<sup>2</sup> thửa đất số 04 và thửa số 62, 63 do UBND xã quản lý.

[3] Xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Đ có cung cấp một số lời khai người làm chứng, tuy nhiên những lời khai của những người làm chứng có mâu thuẫn nhau, và chính họ cũng không khẳng định rõ ràng về nguồn gốc diện tích đất của ông Đ canh tác sử dụng để làm GCNQSD đất. Về phía ông Đ cho rằng giấy tờ đất của chế độ cũ cấp cho cha mẹ Ông nhưng bị cháy nên không còn, tuy nhiên theo sổ sách theo dõi qua các thời kỳ quản lý đất đai của Nhà nước ta như đã

viện dẫn nêu trên thì không đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu làm GCNQSD đất đối với diện tích 35.000m<sup>2</sup>.

Bản án sơ thẩm đã xem xét các tài liệu chứng cứ, và áp dụng các quy định về điều kiện được cấp GCNQSD đất theo Luật đất đai để xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính để từ đó không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ là có căn cứ đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới cần được xem xét đánh giá nên đơn kháng cáo của ông Đ không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Tô Văn Đ kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tô Văn Đ.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Đ.

Về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 1); Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Văn Đ (lần 2); Văn bản số 378/UBND ngày 04/6/2018 của Chủ tịch UBND xã X về việc trả lời khiếu nại của vợ, chồng ông Tô Văn Đ.

Về việc yêu cầu UBND xã X, UBND thị xã S lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tô Văn Đ đối với thửa đất số 04 (diện tích 16.220m<sup>2</sup>), 62 (diện tích 3132,4m<sup>2</sup>) và 63 (diện tích 6509,6m<sup>2</sup>) theo bản đồ trích đo dự án Vtạithôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vì không có căn cứ.

Về án phí: Ông Tô Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006661 ngày 12/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.



Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Mai Xuân Thành**